

Số: /2022/NQ-HĐND

Quảng Trị, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quy định Chế độ miễn, giảm tiền thuê đất đối với các cơ sở thực hiện xã hội hóa trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2023- 2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ
KHÓA VIII - KỲ HỌP THỨ XII**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 69/2 008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường; Thông tư số 156/2014/TT-BTC ngày 23 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2008;

Xét Tờ trình số: /TTr-UBND ngày tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị về việc đề nghị phê duyệt Quy định chế độ miễn, giảm tiền thuê đất đối với các cơ sở thực hiện xã hội hóa trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2023 - 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định chế độ miễn, giảm tiền thuê đất đối với các cơ sở thực hiện xã hội hóa trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2023 - 2025.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này. Trong quá trình thực hiện nếu có những vấn đề phát sinh, giao UBND tỉnh trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết và báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên của Mặt trận và các tổ chức xã hội khác trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn của mình giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị Khóa VIII Kỳ họp thứ XIII thông qua ngày tháng năm 2022 và có hiệu lực từ ngày..... tháng..... năm 2022.

Nơi nhận:

- UBTV Quốc hội; VPQH; Ban Công tác đại biểu;
- Thủ tướng Chính phủ; VPCP;
- Bộ Tài chính; Bộ KH&ĐT;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục kiểm tra VB-Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy (Báo cáo); VP Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh; Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh; UBNDTTQVN tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh (đăng công báo);
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Báo Quảng Trị; Đài PT-TH tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

TỈNH QUẢNG TRỊ

QUY ĐỊNH

Chế độ miễn, giảm tiền thuê đất đối với các cơ sở thực hiện xã hội hóa trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2023 - 2025

(Kèm theo Nghị quyết số /2022/NQ-HĐND ngày tháng năm 2022 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

a. Các dự án đầu tư thuộc danh mục lĩnh vực, địa bàn khuyến khích xã hội hóa của tỉnh ban hành tại **Quyết định số.../QĐ-UBND ngày ... của UBND tỉnh Quảng Trị**.

b. Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư, lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn tại Quy định này thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư.

2. Đối tượng áp dụng:

a. Các cơ sở ngoài công lập được thành lập và có đủ điều kiện hoạt động theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong các lĩnh vực xã hội hóa;

b. Các tổ chức, cá nhân hoạt động theo Luật Doanh nghiệp có các dự án đầu tư, liên doanh, liên kết hoặc thành lập các cơ sở hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa có đủ điều kiện hoạt động theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

c. Các cơ sở sự nghiệp công lập thực hiện góp vốn, huy động vốn, liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật thành lập các cơ sở hạch toán độc lập hoặc doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

(Sau đây gọi tắt là cơ sở thực hiện xã hội hóa).

3. Đối với các dự án đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực xã hội hóa: Thực hiện theo quy định riêng của Chính phủ.

Điều 2. Điều kiện được hưởng chính sách khuyến khích xã hội hóa

Các cơ sở thực hiện xã hội hóa trên địa bàn tỉnh Quảng Trị được hưởng các chính sách ưu đãi xã hội hóa khi đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

1. Cơ sở thực hiện xã hội hóa phải thuộc danh mục các loại hình và đáp ứng các tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn được quy định tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008, số 693/QĐ-TTg ngày 06/5/2013, số 1470/QĐ-TTg ngày 22/7/2016 về việc ban hành và sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường và các quy định sửa đổi bổ sung có liên quan.

2. Dự án xã hội hóa phải thuộc Danh mục lĩnh vực, địa bàn khuyến khích xã hội hóa trên địa bàn tỉnh Quảng Trị được UBND tỉnh phê duyệt và công bố theo giai đoạn 3 (ba) năm theo quy định.

3. Dự án xã hội hóa phải phù hợp với quy hoạch tỉnh và các quy hoạch khác (nếu có) được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Nhà đầu tư có đăng ký nộp thuế tại tỉnh Quảng Trị đối với các hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

5. Nhà đầu tư không vi phạm pháp luật về đầu tư, đất đai, thuế, môi trường và các quy định pháp luật khác trong quá trình thực hiện dự án.

6. Dự án không chậm tiến độ hoặc tạm ngừng hoạt động, không vi phạm các quy định tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, Quyết định chủ trương đầu tư, Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư.

7. Nhà đầu tư, doanh nghiệp không đang trong các tình trạng sau: Phá sản, tạm ngừng hoạt động, mất khả năng chi trả, đang trong quá trình giải thể hoặc đang trong giai đoạn điều tra, truy tố.

8. Cơ sở thực hiện xã hội hóa sử dụng đất với nhiều lĩnh vực hoặc trên nhiều địa bàn khác nhau thì được hưởng chế độ miễn tiền thuê đất theo diện tích thuê của từng lĩnh vực hoặc địa bàn tương ứng.

9. Các trường hợp không miễn tiền thuê đất

a. Cơ sở thực hiện xã hội hóa được cho thuê đất thông qua đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

b. Cơ sở thực hiện xã hội hóa không đáp ứng các điều kiện được hưởng chính sách khuyến khích xã hội hóa theo quy định tại Điều 4 Quyết định này.

Điều 3. Chế độ miễn, giảm tiền thuê đất đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa tại địa bàn ưu đãi xã hội hóa mức 1 (Thành phố Đông Hà, thị xã Quảng Trị)

Được miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng tối đa không quá 03 (ba) năm kể từ ngày có quyết định cho thuê đất; sau thời gian xây dựng cơ bản, được:

1. Miễn tiền thuê đất 05 năm đối với các dự án thuộc lĩnh vực ưu đãi xã hội hóa theo quy định tại Điều 2 Quyết định này nhưng không thuộc danh mục Ngành, nghề ưu đãi đầu tư.

2. Miễn tiền thuê đất 07 năm đối với các dự án thuộc lĩnh vực ưu đãi xã hội hóa theo quy định tại Điều 2 Quyết định này đồng thời thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư.

3. Miễn tiền thuê đất 13 năm đối với:

a. Các dự án thuộc lĩnh vực ưu đãi xã hội hóa theo quy định tại Điều 2 Quy định này đồng thời thuộc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư.

b. Các dự án thuộc lĩnh vực ưu đãi xã hội hóa (lĩnh vực môi trường) theo quy định tại Điều 2 Quyết định này đầu tư tại Khu công nghiệp Nam Đông Hà.

4. Được giảm 30% tiền thuê đất trong 5 năm tiếp theo sau thời gian được miễn tiền thuê đất đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa tại địa bàn thành phố Đông Hà; Được giảm 30% tiền thuê đất trong 9 năm tiếp theo sau thời gian được miễn tiền thuê đất đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa tại địa bàn thị xã Quảng Trị.

Điều 4. Chế độ miễn, giảm tiền thuê đất đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa tại địa bàn ưu đãi xã hội hóa mức 2 (nhóm các đô thị loại V)

Được miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng tối đa không quá 03 (ba) năm kể từ ngày có quyết định cho thuê đất; sau thời gian xây dựng cơ bản, chính sách miễn, giảm tiền thuê đất như sau:

1. Đối với các cơ sở thực hiện xã hội hóa ngoài khu công nghiệp, khu kinh tế:

a. Miễn tiền thuê đất 9 năm đối với các dự án thuộc lĩnh vực ưu đãi xã hội hóa theo quy định tại Điều 2 Quyết định này nhưng không thuộc danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư tại các đô thị loại V thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế, xã hội khó khăn.

b. Miễn tiền thuê đất 13 năm đối với: Các dự án thuộc lĩnh vực ưu đãi xã hội hóa theo quy định tại Điều 2 Quyết định này đồng thời thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, thực hiện tại các đô thị loại V thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế, xã hội khó khăn; Các dự án thuộc lĩnh vực ưu đãi xã hội hóa theo quy định tại Điều 2 Quyết định này nhưng không thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, thực hiện tại các đô thị loại V thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn.

c. Miễn tiền thuê đất 17 năm đối với: Các dự án thuộc lĩnh vực ưu đãi xã hội hóa theo quy định tại Điều 2 Quyết định này đồng thời thuộc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư thực hiện tại các đô thị loại V thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế, xã hội khó khăn; Các dự án thuộc lĩnh vực ưu đãi xã hội hóa theo quy định tại Điều 2 Quyết định này đồng thời thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư thực hiện tại các đô thị loại V thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn.

d. Miễn tiền thuê đất cho toàn bộ thời hạn thuê đối với: Các dự án thuộc lĩnh vực ưu đãi xã hội hóa theo quy định tại Điều 2 Quyết định này đồng thời thuộc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư thực hiện tại các đô thị loại V thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn.

e. Được giảm 50% tiền thuê đất trong 5 năm tiếp theo sau thời gian được miễn tiền thuê đất.

2. Các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong khu công nghiệp, khu kinh tế:

a. Miễn tiền thuê đất 15 năm đối với dự án thuộc lĩnh vực ưu đãi xã hội hóa theo quy định tại Điều 2 Quyết định này nhưng không thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư tại các đô thị loại V thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế, xã hội khó khăn.

b. Miễn tiền thuê đất 17 năm đối với dự án thuộc lĩnh vực ưu đãi xã hội hóa theo quy định tại Điều 2 Quyết định này nhưng không thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư tại các đô thị loại V thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn;

c. Miễn tiền thuê đất 19 năm đối với dự án thuộc lĩnh vực ưu đãi xã hội hóa theo quy định tại Điều 2 Quyết định này đồng thời thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư tại các đô thị loại V thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn.

d. Miễn tiền thuê đất 21 năm đối với dự án thuộc lĩnh vực ưu đãi xã hội hóa theo quy định tại Điều 2 Quyết định này đồng thời thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư tại các đô thị loại V thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

đ. Miễn tiền thuê đất cho toàn bộ thời hạn thuê đối với dự án đầu tư thuộc lĩnh vực ưu đãi xã hội hóa theo quy định tại Điều 2 Quyết định này đồng thời thuộc lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư.

e. Được giảm 50% tiền thuê đất trong 7 năm tiếp theo sau thời gian được miễn tiền thuê đất.
